TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 5 – 2019

"V/v Ly hôn "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Chiêu Hùng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Ngọc H, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Kim Q, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lý Ngọc H trình bày:

Chị H với anh Kim Q kết hôn với nhau năm 2011 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 238 ngày 19 tháng 12 năm 2011). Sau khi kết hôn chị H về sống bên gia

đình chồng. Sau khi sống chung với nhau được khoảng 02 tháng thì cảm thấy vợ chồng không hợp nhau, không tìm được hạnh phúc. Nên tháng 02/2012 chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn tình cảm vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q.

Trong quá trình chung sống chị H và anh Q không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Anh Kim Q không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 13/TB-TLVA ngày 09 tháng 01 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Kim Q nhưng anh Q không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lý Ngọc H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh Q, không tiến hành hòa giải được và anh Q cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Lý Ngọc H được quyền ly hôn với anh Kim Q. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Kim Q mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[2] Về nội dung: Tại tòa chị Lý Ngọc H giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh Kim Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Ngọc H với anh Kim Q là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tuy nhiên sau khi kết hôn về chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai người không cùng quan điểm sống, không hợp nhau nên dẫn đến không hạnh phúc. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2012, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau, trong giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn nên xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị yêu cầu nên chị H phải chịu theo luật định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lý Ngọc H.

- Về hôn nhân: Chị Lý Ngọc H được quyền ly hôn với anh Kim Q.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Ngọc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lý Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002922 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Kim Q được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đ;
-Chi cục THADS huyện Đ;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND TT L, huyện Đ, tỉnh S;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng